

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST.

Ngày: 28-6-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Cao Hoài Hiem.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lê Thị S**, sinh năm 1980. Địa chỉ: số A Kênh Q, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: chị **Lê Thị Đ (G)**, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh **Lê Thành L**, sinh năm 1971. Địa chỉ: khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Lê Thị S trình bày:

Chị S và chị Lê Thị Đ quen biết nhau do chị Đ là khách hàng của chị S. Năm 2004, do biết chị S kinh doanh buôn bán thịt heo nên chị Đ buôn bán đồ ăn sáng hàng ngày có liên hệ chị S bỏ thịt heo cho chị Đ để buôn bán. Thời gian đầu khi lấy thịt heo, chị Đ trả tiền đầy đủ, sau đó chị Đ lấy thịt heo của chị S rồi trả một phần tiền, xin thiếu lại một phần tiền cứ như vậy kéo dài cho đến năm 2020. Do thiếu số tiền lớn nên chị Đ ngưng lấy thịt heo mà cũng không chịu trả số tiền còn thiếu lại cho chị S.

Ngày 26/10/2022, qua kiểm tra và tổng kết nợ lại thì chị Lê Thị Đ thiếu chị S tổng cộng số nợ là 390.536.000 đồng, chị Đ ký tên xác nhận vào sổ nợ của chị S. Từ lúc tổng kết nợ xong cho đến nay, chị Đ không thiện chí trả nợ cho chị S mặc dù chị S đến liên hệ đòi nhiều lần.

Nguyên vọng của chị S: yêu cầu chị Lê Thị Đ và anh Lê Thành L (chồng chị Đ) trả số tiền 390.536.000 (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn - chị Lê Thị Đ trình bày:

Chị Đ có mua thịt heo nợ của chị Lê Thị S để bán bánh canh trang trại kinh tế gia đình từ năm 2004 đến năm 2021, và nợ số tiền 390.536.000 (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Khoảng năm 2005, gia đình chị Đ có nuôi heo và mua đi bán lại heo nhưng heo bệnh chết nên gia đình lâm cảnh nợ nần không có tiền trả chị S.

Chị S và anh Lê Thành L kết hôn năm 1999 và ly thân năm 2009 nên anh L không biết việc chị Đ nợ chị S. Do đó, chị không yêu cầu anh L trả cùng.

Nguyên vọng của chị Đ: đồng ý trả cho chị S số tiền 390.536.000 (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng, không yêu cầu anh L trả cùng.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lê Thành L trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2024:

Anh L và chị Lê Thị Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng đã ly thân từ thời điểm 2012. Việc chị Đ nợ chị S, anh L không biết nên anh L không đồng ý trả nợ cho chị S.

Nguyên vọng của anh L: anh L không đồng ý cùng chị Đ trả tiền cho chị S vì anh L không biết việc nợ tiền giữa chị S và chị Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản của chị Lê Thị S đối với chị Lê Thị Đ, anh Lê Thành L.

Buộc chị Lê Thị Đ và anh Lê Thành L có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị S số tiền nợ 390.536.000 (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Ghi nhận chị Lê Thị S không yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - chị Lê Thị Đ (Gái), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lê Thành L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: chị S khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua thịt heo còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn là chị Lê Thị Đ. Hiện tại, chị Đ đang cư trú tại khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền 390.536.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị S đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy chốt nợ ngày 26/10/2022 số tiền còn thiếu là 390.536.000 đồng. Trên giấy nợ thể hiện rõ chữ ký và họ tên của chị Lê Thị Đ. Từ ngày 26/10/2022 đến nay, anh L, chị Đ chưa trả cho chị S khoản tiền nào.

Xét lời trình bày của chị Đ: chị Đ thừa nhận có nợ chị S số tiền 390.536.000 đồng, do việc mua thịt heo để bán bánh canh để trang trải kinh tế gia đình.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị Đ có nợ chị S số tiền 390.536.000 đồng. Quan hệ mua bán giữa chị S với chị Đ là có thật phù hợp với quy định về hợp đồng mua bán tài sản tại Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Xét việc thực hiện hợp đồng mua bán thấy rằng:

Việc mua bán giữa chị S và chị Đ có ghi chép bằng sổ từ năm 2004. Đến ngày 26/10/2022, các bên có chốt lại số nợ là 390.536.000 đồng. Sau khi chốt nợ đến nay, chị Đ mất khả năng thanh toán nên cho đến nay vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho chị S. Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự, chị Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị S số tiền đã mua thịt heo còn thiếu.

[3.3] Xét nghĩa vụ trả nợ:

Anh L không đồng ý cùng chị Đ trả tiền nợ chị S vì anh L cho rằng không biết việc chị Đ có nợ chị S. Anh L và chị Đ kết hôn vào năm 1999. Cả hai sống chung và sinh hoạt kinh tế gia đình chung. Mặc dù, anh L, chị Đ trình bày cả hai đã ly thân vào năm 2009 đến nay, chưa ly hôn. Nhưng theo xác minh tại địa phương, anh L và chị Đ vẫn sống chung nhà, vẫn sinh hoạt chung đến năm 2023. Chị Đ thừa nhận mua thịt heo của chị S để kinh doanh buôn bán thức ăn sáng từ năm 2004 đến năm 2021, tức trong giai đoạn sống chung với anh L. Hơn nữa, chị S thường xuyên giao thịt heo tận nhà cho chị Đ bán bánh canh, anh L chứng kiến và biết việc này. Thời gian vợ chồng sống chung nhà, làm kinh tế chung, anh L cũng phụ chị Đ kinh doanh để lo chi phí trong gia đình và chi phí học tập cho con chung. Ngoài ra, chị Đ khi sống chung với anh L thì chị Đ không có cờ bạc hay tiêu xài, mua sắm gì cho cá nhân nên anh L cho rằng không biết việc chị Đ có nợ chị S là không có căn cứ và phù hợp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ xác định số tiền 390.536.000 đồng còn nợ của chị S là nợ chung của chị Đ và anh L nên cần buộc anh L, chị Đ có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 390.536.000 đồng cho chị S là phù hợp với các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh L, chị Đ có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền 390.536.000 (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Ghi nhận chị Lê Thị S không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: Anh L, chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật. Án phí anh L, chị Đ phải chịu như sau:

$390.536.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.526.800 \text{ đồng}$, làm tròn 19.527.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S đối với chị Lê Thị Đ và anh Lê Thành L về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc chị Lê Thị Đ và anh Lê Thành L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị S số tiền 390.536.000 (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Ghi nhận chị Lê Thị S không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

Anh Lê Thành L và chị Lê Thị Đ cùng phải chịu 19.527.000 (Mười chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Lê Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.764.000 (Chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015127, ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Minh Tú

